

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 26 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước
trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và
biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01
tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01
tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 370/TTr-STC
ngày 31 tháng 10 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp,
hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với
doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26 tháng 11 năm 2025.
2. Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (trước sáp nhập) về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Lào Cai; Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Báo và PTTH tỉnh Lào Cai;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (C.Hung).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

**QUY CHẾ PHỐI HỢP
GIỮA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG
KÝ THÀNH LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể nội dung được giao tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp và quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể:

- Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp; thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Thanh tra, kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và xử lý vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- Báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước:
 - Cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (sau đây gọi chung là các Sở, ban, ngành cấp tỉnh).
 - Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
 - Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực của Trung ương đặt tại tỉnh Lào Cai.
- Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi thuộc lĩnh vực quản lý tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp và hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của đơn vị mình và theo quy định của pháp luật cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh*: là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh*: là việc cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, đánh giá, xử lý đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan quản lý nhà nước* là cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp*, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp trong công tác quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh

nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Mỗi cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định.

4. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh được quyền kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định.

5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

6. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh
(Theo quy định tại Điều 80, Điều 81, Điều 116 Nghị định 168/2025/NĐ-CP)

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

a) Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại liên hệ; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân; điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: Tên, số giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; đại diện hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

c) Doanh nghiệp và hộ kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi nội dung đăng ký, theo quy định tại Điều 31 và Điều 101 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; tạm ngừng hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; chấm dứt hoạt động; đã giải thể; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Khi có thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bảo đảm thống nhất và kịp thời theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, doanh thu, số lao động và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định và yêu cầu quản lý nhà nước.

a) Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp và công khai danh sách doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, bao gồm: Doanh nghiệp thành lập mới; doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký; danh sách doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; danh sách doanh nghiệp giải thể; danh sách đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động.

b) Hình thức cung cấp thông tin: Sở Tài chính định kỳ hằng tháng, chậm nhất vào tuần thứ nhất của tháng kế tiếp công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chủ động tra cứu, khai thác khi cần thiết.

c) Phối hợp thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh do Sở Tài chính cung cấp phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đầu mối cung cấp, công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định và yêu cầu quản lý nhà nước.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tổng hợp, công khai danh sách hộ kinh doanh phát sinh trong kỳ, bao gồm: Hộ kinh doanh thành lập mới; hộ kinh doanh thay đổi nội dung đăng ký; danh sách hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động; danh sách hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động.

b) Hình thức cung cấp thông tin: Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hằng tháng, chậm nhất vào tuần thứ nhất của tháng kế tiếp công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của địa phương hoặc niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thông tin.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định; bảo đảm việc công khai, trao đổi, chia sẻ dữ liệu được thực hiện đúng quy định của pháp luật và phù hợp với hạ tầng công nghệ thông tin hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối trên địa bàn tỉnh trong việc cung cấp, công khai và chia sẻ thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, trên cơ sở khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP và yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương.

a) Định kỳ hàng quý, Sở Tài chính đối chiếu, cập nhật và tổng hợp thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin do cơ quan thuế, cơ quan chuyên ngành và các đơn vị liên quan cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

b) Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin công khai và chia sẻ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đầu mối trên địa bàn trong việc cung cấp, công khai và chia sẻ thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh, trên cơ sở khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Định kỳ hàng quý, ủy ban nhân dân cấp xã đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh với thông tin do cơ quan thuế và các đơn vị liên quan cung cấp về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tổng hợp, đối chiếu và công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; bảo đảm việc chia sẻ, khai thác thông tin được thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời và đúng thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng chủ động trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Tài chính; chủ động trao đổi thông tin hộ kinh doanh với Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.

2. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý theo quy định gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối trên địa bàn tỉnh trong việc tổng hợp, công khai, chia sẻ thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, trên cơ sở tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên ngành, cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan

a) Chủ động cung cấp thông tin, tài liệu về kết luận thanh tra, kiểm tra, kết quả xử lý vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và các thông tin liên quan khác đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý.

b) Bảo đảm thông tin cung cấp có căn cứ pháp lý rõ ràng, thống nhất với hồ sơ xử lý và được cập nhật kịp thời sau khi có quyết định, kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xác minh, cập nhật tình trạng chấp hành quyết định xử lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh (nếu có).

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Là cơ quan đầu mối tổng hợp, công khai thông tin về hộ kinh doanh vi phạm pháp luật trên địa bàn quản lý, trên cơ sở kết quả kiểm tra, xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

b) Định kỳ hằng quý hoặc khi có yêu cầu, gửi danh sách hộ kinh doanh vi phạm và kết quả xử lý về Sở Tài chính để tổng hợp, công khai theo quy định.

4. Hình thức cung cấp, công khai thông tin:

a) Thông tin được công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì (Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

b) Việc công khai thông tin bảo đảm đúng thẩm quyền, nội dung, thời hạn và phạm vi công khai; không xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh hoặc thông tin thuộc danh mục không công khai theo quy định.

5. Trách nhiệm phối hợp và bảo đảm dữ liệu: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp, đối chiếu, xác minh, khai thác và sử dụng thông tin về xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ

kinh doanh; bảo đảm dữ liệu được chia sẻ chính xác, kịp thời, phục vụ công tác quản lý nhà nước và tuyên truyền, phòng ngừa vi phạm.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Các cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp theo một trong các hình thức, phương tiện sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua đường bưu điện; qua fax hoặc qua thư điện tử.
- c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử (Website) của cơ quan mình.

3. Các cơ quan quy định tại điểm c khoản 1, Điều 2 Quy chế này thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên và khoản 2 Điều này.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý vi phạm quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt; yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

a) Các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm của

đơn vị mình bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, phạm vi, nội dung, đối tượng, hình thức, thời gian, đơn vị thực hiện hoặc chủ trì, đơn vị phối hợp và các nội dung khác (nếu có).

b) Sở Tài chính là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp hằng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kiểm tra của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý chồng chéo, trùng lặp; trình Giám đốc Sở phê duyệt kế hoạch kiểm tra của đơn vị sau khi có kết quả xử lý (theo khoản 2 Điều 8 Luật Thanh tra và điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP).

c) Thanh tra tỉnh chủ trì việc xử lý chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng, thời gian thanh tra, kiểm tra; tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch thanh tra chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

2. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng kế hoạch

a) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, gửi kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình về Thanh tra tỉnh để tổng hợp, xử lý trùng lặp.

b) Thời hạn gửi kế hoạch: Chậm nhất ngày 10 tháng 11 hằng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt dự thảo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của năm kế tiếp và gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp, rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp.

c) Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản cho các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khi có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh để thống nhất thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành do một cơ quan chủ trì thực hiện.

3. Công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh không thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải được công khai theo quy định của pháp luật.

b) Kế hoạch được gửi trước cho đối tượng thanh tra, kiểm tra và đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình triển khai.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

a) Các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

b) Việc thanh tra, kiểm tra đột xuất chỉ được tiến hành khi có căn cứ rõ ràng về dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định.

c) Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; bảo đảm hoạt động diễn ra khách quan, minh bạch, đúng quy định pháp luật.

2. Phối hợp trong trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành

a) Khi thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, Sở hoặc ngành được giao chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh là cơ quan chủ trì.

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia đoàn theo yêu cầu của cơ quan chủ trì; bảo đảm cán bộ tham gia đúng chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực và tinh thần trách nhiệm.

c) Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi đến tất cả các cơ quan, đơn vị tham gia để phục vụ công tác quản lý, theo dõi, đôn đốc và xử lý tiếp theo.

d) Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực chuyên ngành được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời tổng hợp, báo cáo Thanh tra tỉnh và cơ quan đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

3. Trách nhiệm xử lý sau thanh tra, kiểm tra

a) Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra hoặc cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Kết quả xử lý sau thanh tra, kiểm tra phải được công khai theo quy định và gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, phối hợp đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

3. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định. Đồng thời, cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản cho: cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi; các cơ quan chức năng khác có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chính để phối hợp theo dõi.

Sau khi tiếp nhận thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực tế tại địa bàn, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền nếu

phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, để xử lý theo đúng thẩm quyền quy định pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, các cơ quan chức năng quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời, yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về các trường hợp sau:

a) Thu hồi, đình chỉ Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện bị người có thẩm quyền đình chỉ, thu hồi hoặc tước giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 hàng năm, cơ quan chức năng có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 16 Quy chế này của năm liền trước.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Thanh tra tỉnh về kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này; làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, đăng ký, cập nhật, chia sẻ thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm h khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; phối hợp với các cơ quan Trung ương, các sở, ban, ngành, địa phương trong việc trao đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện đăng ký và quản lý sau đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; tổ chức công tác phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Thuế tỉnh Lào Cai

a) Rà soát, đối chiếu danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký; cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng hoạt động, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

b) Cung cấp thông tin, danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm pháp luật về thuế cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản, bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin người nộp thuế.

c) Tiến hành kiểm tra quyết toán thuế, thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động; thông báo cho Sở Tài chính danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm quy định về thuế để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

d) Xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền và phối hợp với Sở Tài chính trong việc theo dõi, cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức xác minh, xử lý theo quy định khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan trong việc xác minh thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc có yếu tố nước ngoài theo quy định pháp luật.

d) Trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xây dựng, tổng hợp kế hoạch thanh tra hành chính, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra theo thẩm quyền; tổng hợp, theo dõi kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc khắc phục sau thanh tra, kiểm tra.

5. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh.

a) Theo dõi, quản lý doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Định kỳ hoặc khi có phát sinh, cung cấp thông tin về tình hình hoạt động, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cho Sở Tài chính và các cơ quan chức năng có liên quan.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Phối hợp với Sở Tài chính trong công tác tổng hợp, theo dõi, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường.

7. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành; xử lý vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính để theo dõi, quản lý.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực của Trung ương đặt tại địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trong việc cung cấp thông tin, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Bộ, ngành chủ quản phân cấp.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tiếp nhận, theo dõi, quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn; phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan chuyên ngành trong việc xác minh, cung cấp thông tin khi có yêu cầu.

b) Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã định kỳ gửi danh sách hộ kinh doanh cho Sở Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để phục vụ công tác quản lý.

10. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động.

b) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin trung thực, chính xác cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định; thông báo kịp thời cho cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi về thông tin đăng ký, địa chỉ, ngành nghề, người đại diện theo pháp luật hoặc tạm ngừng, chấm dứt hoạt động.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, lĩnh vực của Trung ương đặt tại tỉnh Lào Cai; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

2. Định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 12, các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này thực hiện lập báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quy chế; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp).

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.